

Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm)
Đọc văn bản sau:

Thế giới hiện đại phát triển quá nhanh khiến cho nhiều người cảm thấy chỉ một khắc chậm chân đã tụt lại phía sau quá xa. Lấy việc đó làm động lực để bước tiếp hay chịu thua và bị trói buộc vào cuộc sống nhàm chán, đơn điệu hàng ngày là sự lựa chọn của mỗi người; thế nhưng thế giới vĩnh viễn sẽ không bao giờ thu nhỏ lại, vậy nên tầm nhìn của bạn cần phải to lớn hơn.

Bạn có biết rằng, từ “Sekai” trong tiếng Nhật có nghĩa là “thế giới”; nhưng trong đó bản thân từ “kai” lại vừa có nghĩa là “giải” - “phát triển”; lại có nghĩa là “đáng giá”? Điều đó có nghĩa là, mỗi cuộc dẫn thân, mỗi chuyến phiêu lưu tìm hiểu thế giới này đều là những trải nghiệm cần thiết và quý báu. Thay vì dính chặt lấy cuộc sống thường nhật tẻ nhạt và nhàm chán, nhiều bạn trẻ giờ đây đã chọn cách mạnh mẽ thể hiện bản thân mình, trải nghiệm cuộc sống bằng những chuyến đi xa, những cuộc gặp gỡ, kết giao thú vị. Có thể nói, đó chính là những người trẻ chọn việc không ngừng phấn đấu và tiến về phía trước, và sẽ là những người thu vào trong tầm mắt phần rộng lớn và tươi đẹp nhất của thế giới này.

Và trên hành trình kiếm tìm sự hoàn hảo cho cái tôi của mình, những khoảng nghỉ ngơi của mỗi người sẽ luôn cần một vọng đài, một điểm nghỉ chân để nghiệm thu và chiêm ngưỡng lại thế giới sau lưng mình. Những dãy núi hùng vĩ, thảo nguyên rộng lớn hay mặt biển xanh vô tận; những kỷ niệm ngọt ngào bên những người bạn thân - đó sẽ là thành tựu riêng của chính bản thân mỗi người, là thứ xúc cảm mà bạn chỉ biết mình đã cần nó tới mức nào ngay sau lần trải nghiệm đầu tiên.

Vậy nên hãy luôn khát khao bám đuổi theo cái tôi mới mẻ và bút phá; mạnh dạn chấp nhận những thử thách của cuộc sống để bước chân ra khỏi vùng an toàn của chính mình, bạn nhé! Bởi cuộc đời chỉ thực sự trở nên hoàn hảo khi tầm nhìn của bạn rộng mở hơn.

(Nguồn <http://ttvn.vn/nhip-song/mo-rong-doi-mat-truoc-cuoc-doi-rong-lon-ban-se-nhan-lai-dieu-gi.htm>)

Câu 1. Chỉ ra các dấu hiệu nhận biết thể loại văn bản trên.

Câu 2. Nêu mục đích của người viết thể hiện trong văn bản.

Câu 3. Nêu tác dụng việc giải thích từ “*Sekai*” trong tiếng Nhật của văn bản có.

Câu 4. Anh/ chị có đồng tình với quan điểm: *thế giới vĩnh viễn sẽ không bao giờ thu nhỏ lại, vậy nên tầm nhìn của bạn cần phải to lớn hơn* được nêu trong văn bản hay không? Vì sao?

Phần II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày về sự cần thiết bồi dưỡng cảm xúc (chỉ số EQ) của người trẻ trong việc vươn đến thành công.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (600 chữ) cảm nhận bài thơ sau:

ĐI THUYỀN TRÊN SÔNG ĐÁY¹

*Dòng sông lặng ngắt như tờ
Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo.
Bốn bề phong cảnh vắng teo
Chỉ nghe cót két tiếng chèo thuyền nan
Lòng riêng riêng những bàn hoàn
Lo sao khô phục giang san Tiên Rồng.
Thuyền về trời đã rạng đông
Bao la nhuộm một màu hồng đẹp tươi.*

(Hồ Chí Minh, *Nhật ký trong tù và những bài thơ khác*, NXB Đồng Nai, 2000, tr.246)

-----Hết-----

¹ Bài thơ được Hồ Chí Minh sáng tác vào mùa thu năm 1949, trong một chuyến đi công tác ở Tuyên Quang.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Văn bản nghị luận có các dấu hiệu sau: - Văn bản có luận đề được triển khai bằng các lập luận logic, người viết thể hiện quan điểm về vấn đề, thuyết phục người đọc; - Có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng; - Sử dụng kết hợp nhiều thao tác lập luận; Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1.0 điểm. - Học sinh trả lời được thể loại văn bản mà không nêu được dấu hiệu nhận biết/ trả lời được 1 dấu hiệu: 0,25 điểm. - Học sinh không trả lời/ trả lời sai: 0 điểm.	1.0
	2	Mục đích của người viết thể hiện trong văn bản: Tác giả thuyết phục mỗi người cần ý thức, dẫn thân trải nghiệm để thể hiện và khẳng định giá trị của bản thân giữa thế giới rộng lớn đang vận động mạnh mẽ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1.0 điểm. - Học sinh trả lời có ý nhưng diễn đạt chưa trọn vẹn: 0,5 – 0.75 điểm. - Học sinh trả lời sơ sài: 0.25 điểm. - Học sinh không trả lời: 0 điểm	1.0
	3	Việc giải thích từ “Sekai” trong tiếng Nhật của văn bản có tác dụng: - Từ “Sekai” trong tiếng Nhật có nghĩa là “thế giới”; nhưng trong đó bản thân từ “kai” lại vừa có nghĩa là “giải” - “phát triển”; lại có nghĩa là “đáng giá”; - Tác dụng: + Làm rõ đặc điểm của thế giới. Thế giới rộng lớn, luôn phát triển không ngừng và đáng giá. + Khuyến khích tuổi trẻ cần phải biết khám phá thế giới Hướng dẫn chấm:	1,0

		- Trả lời như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý hoặc diễn đạt tương đương: 0,5 điểm - Trả lời 2 ý nhưng diễn đạt chưa trọn vẹn: 0,75 điểm - Trả lời sai/ không trả lời: 0,0 điểm. Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm.	
	4	Anh/ chị có đồng tình với quan điểm: <i>thế giới vĩnh viễn sẽ không bao giờ thu nhỏ lại, vậy nên tầm nhìn của bạn cần phải to lớn hơn</i> được nêu trong văn bản hay không? Vì sao? Học sinh có thể trả lời: Đồng tình ý kiến, không đồng tình hoặc đồng tình một phần nhưng lí giải hợp lí, thuyết phục. Dưới đây là một số gợi ý. - Đồng tình: Quy luật của thế giới là luôn vận động và phát triển không ngừng. Vì thế, sứ mệnh của mỗi người là phải mở rộng tầm nhìn về thế giới để tăng cường sự hiểu biết, tiếp thu tri thức nhân loại, rèn luyện kĩ năng sống và làm giàu đời sống tâm hồn. - Không đồng tình hoặc đồng tình một phần: Nếu học sinh có lập luận hợp lý, thuyết phục, vẫn linh động cho điểm. Hướng dẫn chấm: - HS nêu được ý kiến và lí giải thuyết phục: 1,0 điểm. - HS nêu được ý kiến và lí giải chưa thuyết phục: 0,5 - 0,75 điểm. - HS nêu được ý kiến mà không lí giải: 0,25 điểm. - Trả lời sai/ không trả lời: 0,0 điểm. Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày về sự cần thiết bồi dưỡng cảm xúc (chỉ số EQ) của người trẻ trong việc vươn đến thành công .	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: sự cần thiết bồi dưỡng cảm xúc (chỉ số EQ) của người trẻ trong việc vươn đến thành công.</i>	0,25

		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý:</i> - Giới thiệu vấn đề nghị luận. - Vì sao người trẻ cần bồi dưỡng cảm xúc (chỉ số EQ) trong việc vươn đến thành công: + Thế hệ trẻ có rất nhiều ưu thế về năng lực tư duy, sáng tạo... nhưng chưa có nhiều trải nghiệm trong cuộc sống nên thường có sự nông nổi, hời hợt, thiếu bản lĩnh làm chủ bản thân. + Người có ý thức tự bồi dưỡng tinh thần tích cực, tình cảm tốt đẹp sẽ có khả năng cân bằng tốt trong cuộc sống, thường tự tin và nhận được sự quý trọng của mọi người xung quanh, dễ thành công trong công việc, cuộc sống. + Hiện tại xã hội có sự vận động mạnh mẽ, tạo nhiều cơ hội nhưng cũng không ít áp lực cho người trẻ nên việc làm chủ cảm xúc sẽ giúp người trẻ thích ứng được và phát huy tốt năng lực của bản thân. - Đánh giá, mở rộng vấn đề. - Nêu bài học nhận thức và hành động, liên hệ bản thân. <i>* Lưu ý: HS có thể có những ý hiểu khác nhưng lập luận thuyết phục vẫn được chấp nhận.</i>	1.0
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,25
		<i>đ. Diễn đạt</i> <i>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn</i>	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) cảm nhận về bài thơ <i>Đi thuyền trên sông Đáy</i> .	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học.	0,5
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: cảm nhận bài thơ <i>Đi thuyền trên sông Đáy</i>.</i>	0,5

	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận: giới thiệu bài thơ, giới thiệu nội dung cần phân tích, đánh giá. * Triển khai vấn đề nghị luận: - Nội dung: + Bức tranh thiên nhiên: cảnh sông Đáy trong đêm trăng thanh bình: <i>thuyền, trăng, sao, dòng sông...</i> gợi vẻ đẹp thơ mộng, lung linh. huyền ảo; từ đêm trăng sao đến bình minh rực rỡ... + Tâm trạng của nhân vật trữ tình: tâm hồn có sự giao cảm với thiên nhiên tuyệt mỹ; bộc lộ những lo lắng về vận mệnh đất nước, khao khát khôi phục giang san; Ngoại cảnh và tâm cảnh hòa quyện, thể hiện tình yêu nước và tinh thần lạc quan cách mạng. - Nghệ thuật: Thể thơ lục bát với nhịp điệu nhẹ nhàng phù hợp tả cảnh thiên nhiên tĩnh lặng; Hình ảnh thơ quen thuộc, sinh động, giàu tính tượng trưng, vừa mang nét đẹp cổ điển vừa gợi tinh thần, sức sống hiện đại; Nhịp điệu bài thơ tạo sự êm ái nhưng vẫn có những điểm ngắt nhịp thể hiện cảm xúc nội tâm; Sự đối lập giữa tĩnh và động làm nổi bật cảm giác cô đơn, trầm lắng, tạo nên chiều sâu cảm xúc của bài thơ.),... - Đánh giá: + Thi phẩm thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của Hồ Chí Minh với sự hòa quyện xúc cảm, tài nghệ của một nghệ sĩ và ý chí, khát vọng của một chiến sĩ cách mạng. Nghệ thuật: kết hợp hài hòa chất cổ điển và hiện đại. + Bài thơ tiêu biểu cho thơ ca kháng chiến và phong cách sáng tác của Hồ Chí Minh.	2.0
	<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng	0.5

		tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.25
Tổng điểm			10,0

MA TRẬN ĐỀ

TT	Năng lực	Nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						Tổng %
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
I	Năng lực Đọc	Văn bản nghị luận (ngoài SGK)	4	2	20%	1	10%	1	10%	40%
II	Năng lực Viết	Viết đoạn văn nghị luận xã hội	1	7.5%		7.5%		5%		20%
		Viết bài văn nghị luận văn học	1	12.5%		12.5%		15%		40%
Tỉ lệ				40%		30%		30%		100%
Tổng			7	100%						

BẢN ĐẶC TẢ

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Đọc hiểu	<i>Đọc hiểu văn bản nghị luận</i>	Nhận biết: - Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản. - Nhận biết được mục đích của người viết. - Nhận biết được cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Lí giải được mối liên hệ giữa nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản. - Đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản. - Tiếp cận và đánh giá được nội dung với tư duy phê phán; nhận biết được mục đích. - Phân tích và đánh giá được cách tác giả sử dụng các thao tác lập luận (chẳng hạn chứng minh, giải thích, bình luận, so sánh, phân tích hoặc bác bỏ) trong văn bản để đạt được mục đích. - Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này. - Lí giải được cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận để đạt được mục đích. Vận dụng: - Rút ra bài học từ tác phẩm; thể hiện quan điểm đồng tình hoặc không đồng	Theo ma trận		

			tình với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Thể hiện được quan điểm riêng trong tiếp nhận, đánh giá văn bản. - Đánh giá được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.	
2	Viết	Viết đoạn văn nghị luận xã hội	Nhận biết: - Giới thiệu được vấn đề nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Thông hiểu: - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. Vận dụng: - Nêu được những bài học rút ra từ vấn đề nghị luận. - Thể hiện được sự đồng tình/không đồng tình đối với thông điệp được gợi ra từ vấn đề nghị luận.	Theo ma trận
		Nghị luận văn học - Khoảng 600 chữ - cảm nhận nội dung, nghệ thuật của một bài thơ/ đoạn thơ.	Nhận biết: - Xác định được đúng yêu cầu về nội dung cần nghị luận. - Xác định được đúng mục đích, đối tượng của văn bản. - Đảm bảo bố cục, cấu trúc của một văn bản nghị luận văn học. Thông hiểu: - Trình bày rõ nội dung nghị luận; cấu trúc bài viết sáng rõ, ngôn ngữ chính xác, cụ thể, truyền cảm. - Đảm bảo sự phù hợp giữa ngôn từ, bố cục với nội dung, mục đích, đối tượng nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Bài viết có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như nghị luận, miêu tả, biểu cảm. Vận dụng: Kết hợp các phương thức biểu đạt, thao tác lập luận để tăng sức hấp dẫn cho văn	Theo ma trận

			bản. Vận dụng cao: - Vận dụng hiệu quả những kiến thức lí luận văn học, kiến thức liên văn bản, thao tác so sánh mở rộng... để tăng sức hấp dẫn, tính sinh động của nội dung nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận.	
--	--	--	---	--

GV PHẢN BIỆN

GV RA ĐỀ